

Bản án số:36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5 - 2023

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Thúc**

Ông **Nguyễn Thanh Không**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 62/2023/TLST- HNGĐ ngày 15/02/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 27/04/2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Phan Kim T**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1990.

ĐKTT: Đường K, ấp S, xã M, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Phan Kim T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại UBND xã M, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Trước đó, cả anh và chị đã có gia đình riêng và đã ly hôn.

Vợ chồng không có con chung. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng, anh chị làm công nhân. Năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh không tin tưởng chị về tiền bạc, tính toán chi li với chị. Chị về nhà cha mẹ ruột sống, anh có qua xin lỗi nhưng sau một tháng lại mâu thuẫn tiếp. Vợ chồng không tin tưởng nhau, mâu thuẫn mẹ chồng, con dâu và với cả con riêng.

Chị không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.**

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

Bản tự khai; căn cước công dân, (bản sao chứng thực); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); các biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh; đơn xin không hòa giải; đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn không hợp tác nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không tin tưởng nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh T được thông đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý định hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 56, 57– Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh T; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Phan Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Thanh T nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Phan Kim T và anh Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2021, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy:

Chị T khai cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh chị không tin tưởng nhau, anh tính toán chi li với chị. Trước đây vợ chồng đều đã có gia đình riêng và có con riêng nhưng khi ly hôn, con riêng của anh thì sống với vợ chồng chị, con riêng của chị thì sống với ông bà ngoại nhưng anh không thương con của chị, mâu thuẫn mẹ chồng, con dâu; vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh chị đã hòa giải nhưng không được và cách đây hơn 04 tháng anh chị không chung sống cùng nhau nữa. Chị không còn tình cảm với anh, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T không đến, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống chung với nhau nhưng anh chị hiện không ở cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, 56, 57 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 57 – Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phan Kim T.

Chị Nguyễn Phan Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Phan Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng

án phí chi T đã nộp sang án phí (Biên lai số 0001818 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã M;
- Hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Yến

